

BỘ XÂY DỰNG**BỘ XÂY DỰNG**

Số: 07/2006/QĐ-BXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2006***QUYẾT ĐỊNH****Về việc ban hành TCXDVN 367: 2006 "Vật liệu chống thấm
trong xây dựng - Phân loại"****BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 36/2003/NĐ-CP ngày 04/4/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này 01 Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam: TCXDVN 367: 2006 "Vật liệu chống thấm trong xây dựng - Phân loại"

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG**THỨ TRƯỞNG****Nguyễn Văn Liên**

TCXDVN

TIÊU CHUẨN XÂY DỰNG VIỆT NAM

TCXDVN 367: 2006

Xuất bản lần 1

VẬT LIỆU CHỐNG THẤM TRONG XÂY DỰNG -

PHÂN LOẠI

Waterproofing Materials for Construction - Classification

HÀ NỘI - 2006

09697481

Lời nói đầu

TCXDVN 367: 2006 "Vật liệu chống thấm trong xây dựng - Phân loại" được Bộ Xây dựng ban hành theo Quyết định số 07/2006/QĐ-BXD ngày 22 tháng 3 năm 2006.

TIÊU CHUẨN XÂY DỰNG VIỆT NAM**TCXDVN 367: 2006****Xuất bản lần 1****Vật liệu chống thấm trong xây dựng - Phân loại***Waterproofing Materials for Construction - Classification***1. Phạm vi áp dụng**

Tiêu chuẩn này quy định phân loại vật liệu chống thấm dùng trong xây dựng.

2. Phân loại

Vật liệu chống thấm trong xây dựng được phân loại như sau:

2.1. Theo nguồn gốc nguyên liệu, vật liệu chống thấm được phân thành:

- Vô cơ.
- Hữu cơ.
- Hỗn hợp (vô cơ và hữu cơ).

2.2. Theo trạng thái sản phẩm, vật liệu chống thấm được phân thành:

2.2.1. Dạng lỏng:

- Dung môi nước.
- Dung môi hữu cơ.
- Không dung môi.

2.2.2. Dạng paste:

- Một thành phần.
- Nhiều thành phần.

2.2.3. Dạng rắn:

- Dạng hạt.
- Dạng thanh.
- Dạng băng.
- Dạng tấm.

2.3. Theo nguyên lý chống thấm, vật liệu chống thấm được phân thành:

- Chống thấm bề mặt.
- Chống thấm toàn khối.
- Chống thấm chèn, lấp đầy.

Chú thích: Có thể tham khảo các loại Vật liệu chống thấm sử dụng trong xây dựng tại Phụ lục A.

Phụ lục A
(Tham khảo)
Một số sản phẩm VLCT thông dụng

Chủng loại	Tên sản phẩm	Hãng sản xuất hoặc cung cấp	Phân loại								
			Nguồn gốc nguyên liệu			Trạng thái sản phẩm			Nguyên lý chống thấm		
			Vô cơ	Hữu cơ	Hỗn hợp	Dạng lỏng	Dạng paste	Dạng rắn	Bề mặt	Toàn khối	Chèn, lấp đầy
Bảng cách nước	SUPER CAST PVC	FOSROC		X				X			X
	SUPER CAST SW			X				X			X
	MASTERPEREN- 1000	MBT		X				X			X
	MATERFLEX 610			X				X			X
	MEYCOFLEX			X				X			X
	SIKAWATERBARS	SIKA		X				X			X
	SIKA HDROTITE -CJ TYPE			X				X			X
	BLUE - CHIP PVC	SSANG YOUNG		X				X			X
	WATERSTOPS			X				X			X
	BENTORUB			X				X			X
	SMARTTITE NS			X				X			X
	SMARTTITE DS			X				X			X
	WATERSTOP C32	IMAG		X				X			X

Phụ lục A
(Tham khảo)
Một số sản phẩm VLCT thông dụng (tiếp theo)

Chủng loại	Tên sản phẩm	Hãng sản xuất hoặc cung cấp	Phân loại								
			Nguồn gốc nguyên liệu			Trạng thái sản phẩm			Nguyên lý chống thấm		
			Vô cơ	Hữu cơ	Hỗn hợp	Dạng lỏng	Dạng paste	Dạng rắn	Bề mặt	Toàn khối	Chèn, lấp đầy
Phụ gia chống thấm	CT - 11B	KOVA		X		X				X	
	SILIKAFUM	MBT	X					X		X	
	Họ sản phẩm-POZZOLITH				X	X				X	
	MB - SF		X					X		X	
	PLASTOCRETE N	SIKA		X		X				X	
	SIKA LATEX			X		X				X	
	SIKALITE			X		X				X	
	COSU	Viện KHCN XD		X		X				X	
	LK - 1			X		X				X	
	LK - 1G			X		X				X	
	LK - RD			X		X				X	
	MICROS - T	Viện VLXD	X					X		X	
	KA NA				X	X		X		X	
	SD - 83			X		X				X	
	SACA		X					X	X		
Sơn C/thấm	CT (02; 04; 07; 09; 10; 11A và 12	KOVA		X		X			X		
	K - 2000			X		X			X		

Một số sản phẩm VLCT thông dụng (tiếp theo)

Chủng loại	Tên sản phẩm	Hãng sản xuất hoặc cung cấp	Phân loại								
			Nguồn gốc nguyên liệu			Trạng thái sản phẩm			Nguyên lý chống thấm		
			Vô cơ	Hữu cơ	Hỗn hợp	Dạng lỏng	Dạng paste	Dạng rắn	Bề mặt	Toàn khối	Chèn, lấp đầy
Sơn C/thấm	MASTER SEAL 450	MBT		X		X			X		
	BARRASLURRY				X		X		X		
	BARRALASTIC				X		X		X		
	BARRACRYL ELASTIC			X		X			X		
	MASTER SEAL 488			X		X			X		
	MASTERPEN -PRIMER			X		X			X		
	SIKAFOOR 240	SIKA		X			X		X		
	EPCEN PRIMER				X	X			X		
	SIKA AQUASTOP S			X		X			X		
	SIKAPROOF MEMBRANE			X		X			X		
	CAO SU BITUM -BS	Viện VLXD		X		X			X		
	Nhũ tương bi tum polyme; Nhũ tương bi tum	IMAG; SELLKOTE; SIMONPORO-60		X		X			X		
Dung dịch C/thấm	Polyme PEX	Viện KHCN Giao thông & Vận tải		X		X			X		
	VICTALASTIC	Viện KHCNXD			X	X			X		
	VICTA - EP			X		X			X		
	MASTERSEAL 360 - TE	MBT		X		X					X
	RACON 7		X			X			X		
	SINA - 12	Viện VLXD	X			X			X		

Một số sản phẩm VLCT thông dụng (tiếp theo)

Chủng loại	Tên sản phẩm	Hãng sản xuất hoặc cung cấp	Phân loại								
			Nguồn gốc nguyên liệu			Trạng thái sản phẩm			Nguyên lý chống thấm		
			Vô cơ	Hữu cơ	Hỗn hợp	Dạng lỏng	Dạng paste	Dạng rắn	Bề mặt	Toàn khối	Chèn lấp đầy
Vữa và Hợp chất Trám khe	COLOPÔR 200	FOSROC			X		X				X
	EXPASEAL B20				X		X				X
	FLEXCELL				X			X			X
	HILASTIC 44			X			X				X
	HYDROFLEX. PW				X		X				X
	PLASTIJOUNT			X				X			X
	PLIASTIC			X				X			X
	HDROCELL			X				X			X
	NITOSEAL 777			X			X				X
	SECOSEAL 12				X		X				X
	THIOFLEX 600				X		X				X
	MASTERFLEX 530	MBT		X		X					X
	SONOLASTIC NP1			X				X			X
	HEOMIX 410 T	MBT			X			X			X
	MASTERSEAL - 555. S			X			X				X
	MASTERFLEX - 700				X		X				X
	MASTERFLEX - 900				X		X				X
	POLYURETHANE - (PU)			X		X	X				X
	CT - 01	KOVA			X		X		X		X
	CT - 05				X		X				X
	CT - 03				X			X	X		

Phụ lục A
(Tham khảo)

Một số sản phẩm VLCT thông dụng (tiếp theo)

Chủng loại	Tên sản phẩm	Hãng sản xuất hoặc cung cấp	Phân loại								
			Nguồn gốc nguyên liệu			Trạng thái sản phẩm			Nguyên lý chống thấm		
			Vô cơ	Hữu cơ	Hỗn hợp	Dạng lỏng	Dạng paste	Dạng rắn	Bề mặt	Toàn khối	Chèn lấp đầy
Vữa và Hợp chất Trám khe	PENECRETE	IDC			X			X	X		X
	PENETRON				X			X	X		X
	PENEG LUG				X			X			X
	PENETRON-PNEUMATIC			X		X				X	X
	BLOCKADE	SELLEYS		X				X			X
	LIQUID - NAILS			X				X			X
	NOMORE GAPS			X			X				X
	STONFLEX 136 R	STOHARD			X		X		X		
	SIKAFLEX PRO - 3WF	SIKA		X		X					X
	SIKAFLEX - J			X		X					X
	SIKASIL - C (silicon-alyoxy)			X		X					
	SIKASIL - E (silicon-acetoxy)			X		X					X
	SIKASWELL S-2			X		X					X
	SIKA - 102				X			X			X
	SIKA TOP SEAL - 107				X		X		X		

Phụ lục A (Tham khảo)
Một số sản phẩm VLCT thông dụng (tiếp theo và hết)

Chủng loại	Tên sản phẩm	Hãng sản xuất hoặc cung cấp	Phân loại								
			Nguồn gốc nguyên liệu			Trạng thái sản phẩm			Nguyên lý chống thấm		
			Vô cơ	Hữu cơ	Hỗn hợp	Dạng lỏng	Dạng paste	Dạng rắn	Bề mặt	Toàn khối	Chèn lấp đầy
Tấm trải chống thấm	Moistop 748	FULER& SIKI		X	X			X	X		
	Moistop 737			X	X			X	X		
	Moistop 150			X	X			X	X		
	Bitum 850			X				X	X		
	Bitum 851			X				X	X		
	Bitum 860			X				X	X		
	SOPRALENE-FLAM 180			X	X			X	X		
	SOPRALENE-FLAM 180 AR			X	X				X	X	
	Bitum biến tính bằng polyme (APP) với độ dày từ 2 ÷ 4 mm	MASTE RP REN; HANSUK; KUKDONG; COPERNIT và INDEX		X	X				X	X	
	Bitum biến tính bằng polyme (SBS) với độ dày từ 2 ÷ 4 mm			X	X				X	X	
	DUO BO/F	DUO		X	X			X	X		
	Debvest -4 AF/F			X	X			X	X		
	DUO BO/Foil			X	X			X	X		
	Debogum - Slades/Foil			X	X			X	X		
	Debobase - 3,5 mm			X	X			X	X		
	Debogum - 3,0 mm			X	X			X	X		

CHÚ THÍCH: Hầu hết các sản phẩm vật liệu chống thấm được bán và quảng bá trên thị trường đều được các nhà sản xuất hướng dẫn về tính năng kỹ thuật và cách sử dụng rất cụ thể cho từng loại sản phẩm.

Các sản phẩm ở dạng tấm trải đều được gia cường bằng sợi poly ste, sợi thủy tinh hoặc bằng tổ hợp sợi thủy tinh và sợi poly ste.